TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 107/2023/DS-ST
Ngày 15 tháng 6 năm 2023
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN, TỈNH AN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Duy Thụy
2. Bà Huỳnh Thị Thúy Hoa

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Võ Ngọc Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 46/2023/TLST-DS, ngày 03 tháng 02 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 163/2023/QĐXX-ST, ngày 25 tháng 4 năm 2023 và Quyết định Hoãn phiên tòa số: 178/2023/QĐST-DS, ngày 19 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Địa chỉ trụ sở: phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Minh S - Giám đốc chi nhánh An Giang. Văn bản ủy quyền số 3270/2022/QĐ-PL ngày 26/12/2022.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Huỳnh Công K - Trưởng Phòng Kiểm soát rủi ro, chi nhánh An Giang. Văn bản ủy quyền ngày 30/01/2023.

Địa chỉ trụ sở phòng giao dịch: phường MQ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: 2.1. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1982. Vắng mặt.
2.2. Bà Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1985. Vắng mặt.

Cùng nơi cư trú: phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Phạm Cao T1, sinh năm 1981. Nơi cư trú: phường MQ, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa ông Huỳnh Công K đại diện theo ủy quyền nguyên đơn trình bày:

Ngày 26 tháng 01 năm 2022 Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh An Giang (sau đây gọi là Ngân hàng) và ông Nguyễn Văn N, bà Ngô Thị Hồng T ký Hợp đồng tín dụng số 202226520380 với nội dung ông N, bà T vay của Ngân hàng 5.500.000.000 đồng và đã nhận đủ 5.500.000.000 đồng Ngân hàng giải ngân theo các giấy nhận nợ. Cụ thể, giấy nhận nợ số LD2220600332 ngày 25/7/2022 nhận 1.600.000.000 đồng; giấy nhận nợ số LD2220700200 ngày 26/7/2022 nhận 1.600.000.000 đồng; giấy nhận nợ số LD2221600474 ngày 04/8/2022 nhận 800.000.000 đồng và giấy nhận nợ số LD2227800374 ngày 05/10/2022 nhận 1.500.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn buôn chuyến lúa gạo; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,5%/năm. Phương thức thanh toán lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng ông N, bà T chưa trả vốn, chỉ trả được 50.244.444 đồng tiền lãi của giấy nhận nợ LD2220600332; Trả 49.866.667 đồng tiền lãi của giấy nhận nợ LD2220700200; Trả 23.233.333 đồng tiền lãi của giấy nhận nợ LD2221600474 và trả 21.604.167 đồng tiền lãi của giấy nhận nợ LD2227800374.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông N, bà T thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh An Giang các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202226520380 ngày 26/01/2022; số 202226520380A/L1/01 ngày 05/4/2022;số 202226520380B/L1/01 ngày 05/4/2022, gồm:

Tài sản 1: Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BC246771, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH01439 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 12/12/2011 cho ông L, bà P. Ngày 20/01/2022 ông N, bà T nhận chuyển nhượng diện tích đất 9.670m^2 tọa lạc tại phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài sản 2: Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE302259, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH02305 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 08/9/2011 cho ông H, bà L. Ngày 22/02/2022 ông N, bà T nhận chuyển nhượng diện tích đất 746,3m^2 tọa lạc tại phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài sản 3: Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX822658, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH10523 do Ủy ban nhân dân thành phố Long

Xuyên cấp ngày 15/10/2020 cho ông T2, bà Đ. Ngày 17/3/2022 ông N nhận chuyển nhượng diện tích đất 649m^2 tọa lạc tại tại phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Tài sản 4: Diện tích đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CX822659, số vào sổ cấp giấy chứng nhận số CH10524 do Ủy ban nhân dân thành phố Long Xuyên cấp ngày 15/10/2020 cho ông T2, bà Đ. Ngày 17/3/2022 ông N nhận chuyển nhượng diện tích đất 100m^2 tọa lạc tại phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Ngày 26/01/2022 ông N đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo Giấy đề nghị ngày 26/01/2022 và Giấy đề nghị ngày 10/02/2022 với nội dung thay đổi hạn mức tín dụng từ 100.000.000 đồng lên 200.000.000 đồng. Theo đó, Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng cho ông N, loại Thẻ Visa Classic với hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất 24,6%/năm. Hạn mức thẻ được cấp: 200.000.000 đồng. Số tiền thẻ đã giao dịch: 401.441.667 đồng; Số tiền ông N đã thanh toán 246.884.125 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông bà tất toán nợ. Sau đó, Ngân hàng không còn liên lạc được với ông N, bà T.

Theo Hợp đồng tín dụng số 202226520380, tạm tính đến ngày xét xử (ngày 15/6/2023) ông N, bà T còn nợ vốn gốc 5.829.538.469 đồng. Trong đó: Nợ gốc 5.500.000.000 đồng; Lãi trong hạn 248.034.722 đồng; Lãi quá hạn 76.901.389 đồng; Phạt quá hạn 4.602.358 đồng. Nợ Thẻ tín dụng: 246.647.827 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 203.056.642 đồng; Nợ lãi: 43.591.185 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu ông N, bà T trả tiền phạt quá hạn 4.602.358 đồng.

Do ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông N và bà T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang) đại diện nhận nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử (15/6/2023) là 6.071.583.938 đồng (5.824.936.111 đồng + 246.647.827 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 202226520380 ngày 26/01/2022, giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị ngày 10/02/2022. Buộc ông N, bà T chịu chi phí tố tụng theo quy định. Yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp của ông N, bà T theo hợp đồng thế chấp để thi hành án.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T mặc dù được niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, ông N, bà T tiếp tục vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Cao T1 mặc dù được tống đạt

trực tiếp các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên tòa được mở lần thứ hai, ông T1 tiếp tục vắng mặt không có lý do.

* Đại diện Viện kiểm sát Tp. Long Xuyên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thủ tục tống đạt thực hiện đúng quy định tại Điều 171, 175, 177, 179 BLTTDS. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng quy định của BLTTDS. Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng quy định của BLTTSD về việc xét xử vụ án.

* Ý kiến về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc 5.500.000.000đ đồng và các khoản lãi theo hợp đồng tín dụng số 202226520380 ngày 26/01/2022 cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc 203.056.642 đồng và các khoản lãi theo đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát thẻ tín dụng, số thẻ 472074-5010 cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng.

Yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp của ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T theo hợp đồng thế chấp đã ký để thi hành án.

Không chấp nhận yêu cầu buộc bà T có nghĩa vụ liên đới với ông N trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền gốc 203.056.642 đồng và các khoản lãi theo đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng phát thẻ tín dụng, số thẻ 472074-5010 cho đến khi thanh toán toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng.

Đình chỉ đối với phần nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông N, bà T trả tiền phạt quá hạn 4.602.358 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Nguyên đơn Ngân hàng yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T. Ông N, bà T cư trú tại phường MT, thành phố Long Xuyên, nên Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên thụ lý giải

quyết là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Công an phường Mỹ Thới, thành phố Long Xuyên ngày 10/4/2023, thể hiện: Đương sự Nguyễn Văn N, sinh năm 1982; Ngô Thị Hồng T, sinh năm 1985 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường MT, thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[1.3]. Phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn N, bà Ngô Thị Hồng T; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Cao T1 vắng mặt không có lý do, nguyên đơn không yêu cầu hoãn phiên tòa. Xét thấy, Tòa án đã thu thập, thực hiện các thủ tục tố tụng theo quy định, việc vắng mặt của bị đơn, người liên quan không trở ngại cho việc xét xử. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung:

[2.1]. Ngày 26/01/2022 Ngân hàng và ông N, bà T ký Hợp đồng tín dụng số 202226520380 vay 5.500.000.000đ (Năm tỷ năm trăm triệu đồng). Ông N, bà T nhận đủ 5.500.000.000 đồng Ngân hàng giải ngân theo các giấy nhận nợ LD2220600332; LD2220700200; LD2221600474, LD2227800374. Mục đích vay: Bổ sung vốn buôn chuyến lúa gạo; Thời hạn vay: 06 tháng; Lãi suất tại thời điểm giải ngân 8,5%/năm. Phương thức thanh toán lãi trả hàng tháng, vốn trả cuối kỳ.

[2.2]. Ngày 26/01/2022 ông N đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo giấy đề nghị ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị ngày 10/02/2022 với nội dung thay đổi hạn mức tín dụng từ 100.000.000 đồng lên 200.000.000 đồng. Theo đó, Ngân hàng phát hành Thẻ tín dụng cho ông N, loại Thẻ Visa Classic với hạn mức tín dụng 200.000.000 đồng; Mục đích vay: Tiêu dùng; Lãi suất 24,6%/năm. Hạn mức thẻ được cấp: 200.000.000 đồng. Số tiền thẻ đã giao dịch: 401.441.667 đồng; Số tiền ông N đã thanh toán 246.884.125 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông N, bà T chưa trả vốn, không thanh toán lãi theo hợp đồng mặc dù Ngân hàng nhiều lần yêu cầu ông bà tất toán nợ. Sau đó, Ngân hàng không còn liên lạc được với ông N, bà T.

[2.3]. Do ông N, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng yêu cầu ông N và bà T liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang) đại diện nhận nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử (15/6/2023) là 6.071.583.938 đồng (5.824.936.111 đồng + 246.647.827 đồng). Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số 202226520380 ngày 26/01/2022, giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị ngày 10/02/2022. Buộc ông N, bà T chịu chi phí tố tụng theo quy định. Yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp của ông N, bà T theo hợp đồng thế chấp để thi hành án.

[2.4]. Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông N, bà T trả tiền phạt quá hạn 4.602.358 đồng.

[3] Qua lời trình bày của đại diện theo ủy quyền nguyên đơn và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nhận thấy:

[3.1] Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết, tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông N, bà T, ông T1 vắng mặt không có lý do, không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ có liên quan nhằm phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng là ông N, bà T, ông T1 đã từ bỏ quyền, nghĩa vụ của đương sự quy định tại khoản 5 Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải, Tòa án thực hiện thủ tục niêm yết, tống đạt Thông báo về kết quả phiên kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông N, bà T, ông T1 là các đương sự vắng mặt để các ông bà thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự theo quy định, nhưng ông N, bà T, ông T1 không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không yêu cầu Tòa án thu thập tài liệu, chứng cứ hoặc yêu cầu triệu tập người tham gia tố tụng khác khi giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Hợp đồng tín dụng số 202226520380 và các giấy nhận nợ LD2220600332; LD2220700200; LD2221600474; LD2227800374; giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo giấy đề nghị ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị ngày 10/02/2022 và các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với khoản nợ do ông N, bà T xác lập theo hợp đồng tín dụng số 202226520380 với số tiền còn nợ 5.824.936.111 đồng (Nợ gốc: 5.500.000.000đ; lãi trong hạn: 248.034.722đ; lãi quá hạn: 76.901.389đ) và khoản nợ thẻ tín dụng theo đề nghị của ông N với số tiền còn nợ 246.647.827 đồng (Nợ gốc: 203.056.642đ; Lãi: 43.591.185đ).

[3.2] Tuy nhiên, đối với yêu cầu Ngân hàng yêu cầu bà T liên đới cùng ông N thanh toán nợ thẻ tín dụng với số tiền 246.647.827 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng cung cấp là giấy đề nghị cấp Thẻ tín dụng kiêm hợp đồng theo giấy đề nghị ngày 26/01/2022 và giấy đề nghị về thay đổi hạn mức tín dụng ngày 10/02/2022 thì bà T không ký kết, đề nghị hợp đồng cấp thẻ hoặc Ngân hàng chứng minh được bà T có liên quan đến việc nhận, sử dụng vốn, thanh toán, đóng lãi đối với khoản nợ thẻ do ông N đề nghị. Do đó, không có căn cứ chấp nhận yêu cầu Ngân hàng buộc bà T liên đới trả nợ thẻ 246.647.827 đồng.

[3.3] Đối với yêu cầu của Ngân hàng yêu cầu tiếp tục duy trì tài sản thế chấp của ông N, bà T theo các hợp đồng thế chấp để thi hành án. Hội đồng xét xử xét thấy để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán, ông N, bà T thế chấp cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S chi nhánh An Giang các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202226520380 ngày

26/01/2022; số 202226520380A/L1/01 ngày 05/4/2022;số 202226520380B/L1/01 ngày 05/4/2022. Các hợp đồng thế chấp được công chứng và đăng ký thế chấp đúng quy định về đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tài sản gắn liền với đất, do đó có căn cứ chấp nhận yêu cầu này của Ngân hàng.

[3.4] Đối với yêu cầu Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu ông N, bà T trả 4.602.358 đồng tiền phạt quá hạn. Xét thấy, Ngân hàng rút một phần yêu cầu khởi kiện là tự nguyện của đương sự phù hợp quy định khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần đương sự rút.

[3.5] Về ý kiến trình bày của ông Phạm Cao T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án liên quan đến tài sản Ngân hàng nhận thế chấp từ ông N, bà T. Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 10/3/2023, ông T1 xác nhận ông là người thuê 9.670m^2 đất của ông N, bà T để trồng lúa, giá thuê 21.000.000 đồng/1 năm, 2 bên không làm hợp đồng, chỉ thỏa thuận miệng. Ngoài ông, không có ai khác thuê đất của ông N, bà T.

Xét thấy, ông Phạm Cao T1 là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tranh chấp gì đối với phần đất ông thuê của ông N, bà T mà hiện nay Ngân hàng đang nhận thế chấp. Ngân hàng không tranh chấp gì đối với ông Phạm Cao T1. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết, nếu đương sự tranh chấp khởi kiện theo quy định.

[4]. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã tạm nộp 600.000 đồng chi phi tố tụng xem xét thẩm định tại chỗ. Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng được chấp nhận, nên ông N, bà T có nghĩa vụ liên đới hoàn trả Ngân hàng 600.000 đồng chi phi tố tụng.

[5] Về án phí: Ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn.

Ngân hàng được nhận lại 112.892.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 244; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466; Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 6; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 2; Điều 6; Điều 7; Điều 7a; Điều 9 và Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (Được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S đối với ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T.

Buộc ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang đại diện nhận) nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử (15/6/2023) là 5.824.936.111đ (Năm tỷ, tám trăm hai mươi bốn triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, một trăm mười một đồng).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S về việc buộc bà Ngô Thị Hồng T liên đới nghĩa vụ với ông Nguyễn Văn N trả 246.647.827đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

Buộc ông Nguyễn Văn N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang đại diện nhận) nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày xét xử (15/6/2023) là 246.647.827đ (Hai trăm bốn mươi sáu triệu, sáu trăm bốn mươi bảy nghìn, tám trăm hai mươi bảy đồng).

3. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không yêu cầu ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T trả 4.602.358đ (Bốn triệu, sáu trăm lẽ hai nghìn, ba trăm năm mươi tám đồng) tiền phạt quá hạn.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông N, bà T vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

4. Trường hợp ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T không thanh toán nợ hoặc thanh toán nợ không đầy đủ thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang đại diện) có quyền làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 202226520380 ngày 26/01/2022; số 202226520380A/L1/01 ngày 05/4/2022;số 202226520380B/L1/01 ngày 05/4/2022 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang với ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T để thu hồi nợ.

Trường hợp tài sản bảo đảm vẫn không đủ để Ngân hàng Thương mại Cổ phần S thu hồi nợ thì ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T vẫn phải tiếp tục liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T có nghĩa vụ hoàn lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang đại diện nhận) 600.000đ (Sáu trăm nghìn đồng).

7. Về án phí:

7.1. Ông Nguyễn Văn N và bà Ngô Thị Hồng T liên đới chịu 113.824.936đ (Một trăm mười ba triệu, tám trăm hai mươi bốn nghìn, chín trăm ba mươi sáu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7.2. Ông Nguyễn Văn N chịu 12.332.000đ (Mười hai triệu, ba trăm ba mươi hai nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

7.3. Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (do Ngân hàng Thương mại Cổ phần S, chi nhánh An Giang đại diện) được nhận lại 112.892.000đ (Một trăm mười hai triệu, tám trăm chín mươi hai nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001282, ngày 03/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên.

8. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Thị Hoa

Nơi gởi:
- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPLX;
- Thi hành án DS TPLX;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.